| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG**<br>TỈNH TIỀN GIANG<br>**----------*----------**<br>Bản án số: **41**/2022/DS-ST<br>Ngày 29/3/2022.<br>V/v: *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"* | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* **Bà Phạm Thị Thúy An.**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**1. Ông Phạm Thành Công.**

**2. Bà Võ Thị Lệ.**

- *Thư ký phiên tòa:* **Ông La Tương Lai** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông.

Ngày 29 tháng 3 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 207/2021/TLST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2021, về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Đoàn Minh S, sinh năm 19xx (có mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã Th, huyện Đ, tỉnh G.

- Bị đơn: - Nguyễn Thị L, sinh năm 19xx (vắng mặt).

- Đinh Văn T, sinh năm 19xx (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã R, huyện Đ, tỉnh G.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Đoàn Minh S trình bày:* Vợ chồng anh T, chị L mua thức ăn chăn nuôi heo của anh từ năm 2015 đến năm 2019, thỏa T sau mỗi lứa heo khoảng 3- 4 tháng sẽ thanh toán cho anh một lần nhưng sau đó, vợ chồng anh T, chị L không trả đủ tiền cho anh. Đến ngày 06/5/2019 (âm lịch), anh và chị L có đối chiếu lại nợ, vợ chồng chị L còn nợ lại anh số tiền 115.000.000 đồng. Sau đó, vợ chồng chị L có trả lại anh 02 lần tiền (vào ngày 20/8/2019 âm lịch và ngày 27/11/2020 âm lịch) là 60.000.000 đồng thì ngưng luôn cho đến nay. Anh nhiều lần đòi tiền nhưng vợ chồng chị L không trả. Nay anh yêu cầu vợ chồng anh T, chị L trả số tiền mua thức ăn còn nợ là 55.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi từ ngày 27/11/2020

âm lịch đến ngày Tòa án xét xử, với mức lãi suất là 10%/năm.

- *Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:* Vợ chồng chị mua thức ăn chăn nuôi heo của anh S khoảng 10 năm nay, thỏa T sau khi bán mỗi lứa heo chị sẽ trả tiền thức ăn cho anh S nhưng đến năm 2019, heo bị dịch tả chết hết nên chị không có tiền trả cho anh S. Nay chị thừa nhận vợ chồng chị còn nợ anh S số tiền mua thức ăn là 55.000.000 đồng, nhưng xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi hết nợ và xin không trả lãi.

* Tại phiên tòa, anh S trình bày: Nay anh yêu cầu vợ chồng chị L, anh T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền còn nợ là 55.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi từ ngày 27/12/2020 âm lịch đến ngày 27/11/2021 âm lịch là 12 tháng, với mức lãi suất là 10%/năm, thành tiền 5.500.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 60.500.000 đồng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện và lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử xác định tranh chấp giữa anh S và chị L, anh T là quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị L và anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt chị L và anh T.

[3] Về yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa, anh S yêu cầu vợ chồng chị L, anh T có nghĩa vụ liên đới trả lại anh tiền mua thức ăn chăn nuôi heo còn nợ là 55.000.000 đồng. Nhận thấy, tại Biên bản hòa giải (BL 27), chị L thừa nhận vợ chồng chị còn nợ anh S số tiền mua thức ăn là 55.000.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi hết nợ nhưng anh S không đồng ý. Do vợ chồng chị L, anh T đã vi phạm về nghĩa vụ trả nợ đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh S. Vì vậy, yêu cầu của anh S là có cơ sở, phù hợp với khoản 1 Điều 440 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc chị L và anh T có nghĩa vụ liên đới trả lại anh S số tiền còn nợ là 55.000.000 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về yêu cầu trả lãi, anh S yêu cầu vợ chồng chị L, anh T có nghĩa vụ liên đới trả tiền lãi từ ngày 27/12/2020 âm lịch đến ngày 27/11/2021 âm lịch là 12 tháng, với mức lãi suất 10%/năm, thành tiền 5.500.000 đồng. Tại Biên bản hòa giải (BL 27), chị L xin không trả lãi nhưng tại phiên tòa, anh S không đồng ý. Xét thấy, yêu cầu của anh S là có cơ sở, phù hợp với khoản 3 Điều 440 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc chị L và anh T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền lãi là 5.500.000 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chị L, anh T có nghĩa vụ trả nợ nên chị L, anh T phải chịu án phí theo quy định khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án. Anh S không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 430, Điều 440, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** <u>Xử:</u> Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Đoàn Minh S.**

- Buộc chị Nguyễn Thị L và anh Đinh Văn T có nghĩa vụ liên đới trả lại anh Đoàn Minh S số tiền gốc và tiền lãi là 60.500.000 đồng *(Sáu mươi triệu năm trăm nghìn đồng),* khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh S có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị L và anh T chậm trả khoản tiền nêu trên thì hàng tháng chị L và anh T phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Chị L và anh T phải liên đới chịu án phí là 3.025.000 đồng *(Ba triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng)*.

+ Hoàn lại anh S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.513.000 đồng *(Một triệu năm trăm mười ba nghìn đồng)* theo biên lai số 0007492 ngày 28/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh S được quyền kháng cáo bản án đến Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang để xét xử phúc thẩm. Riêng chị L và anh T vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

***<u>Nơi nhận:</u>***
- VKSND huyện GCĐ;
- CC THADS huyện GCĐ;
- Các đương sự;
- Lưu AV, hồ sơ.

**Phạm Thị Thúy An**